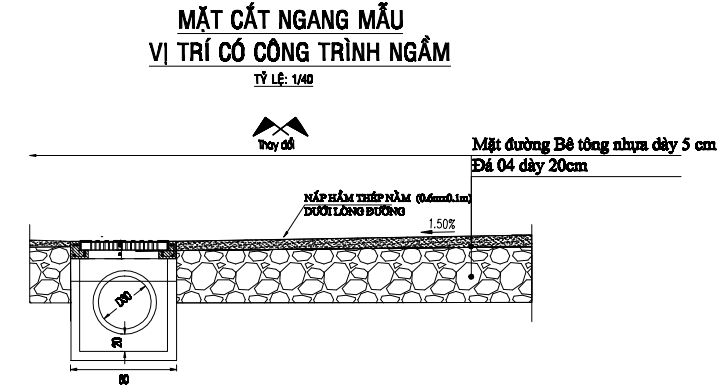
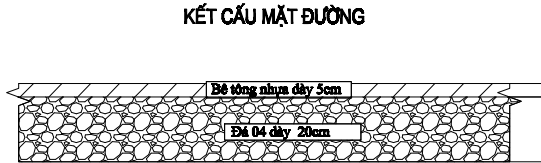


BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG - VỊ TRÍ
BỔ TÚC HỒ SƠ XIN MỞ RỘNG - NÂNG CẤP BÊ TÔNG NHỰA
(Đường bê tông kết nối với đường Mai Thị Buội. nhựa)

-Chiều dài đường: 162.4 m
- Chiều dài cống thoát nước: 163.4 m
- Tờ bản đồ số 11 - Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi.
(Theo Tài liệu đo năm 2003)
- Nay thuộc Tờ bản đồ số 147 - Xã Củ Chi, TP. HCM.
- Thửa đất xin hiến đường: 12,793,681,762,763,11,14, 15, 16, 17,13,45,47
(diện tích theo phần Bảng chỉ dẫn diện tích)
- Hiện trạng đường : đường bê tông
- Xin hiến đất làm đường mở rộng đường hiện trạng :
Chiều dài 162.4m kết nối đường bê tông và đường Mai Thị Buội. nhựa
Chiều rộng đường 2.7m -5.0m (Mặt bê tông nhựa 2.7m-5.0m)
Cống thoát nước âm đường D500X0.2m



KÝ HIỆU

— RANH BẮT

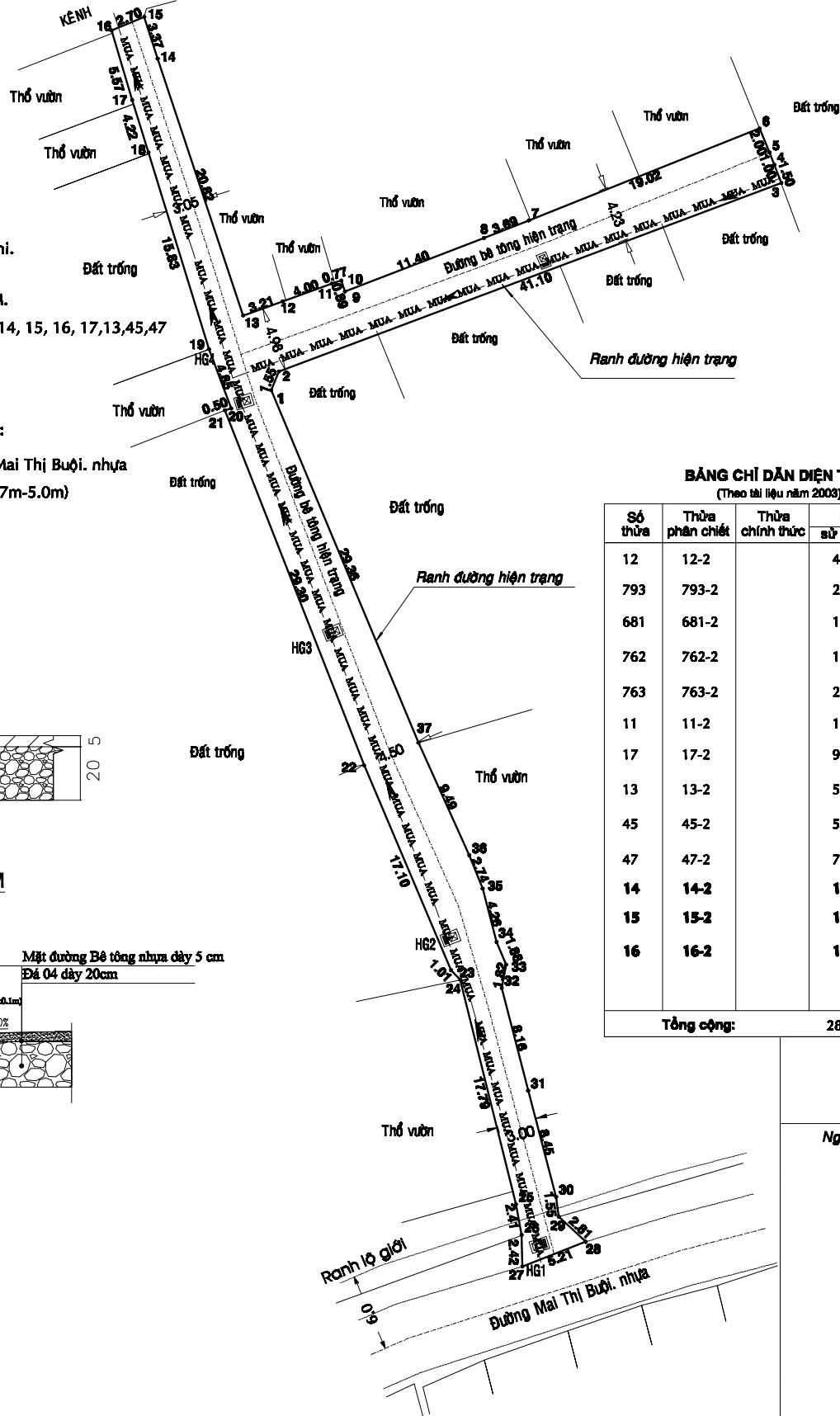
--- TÊN ĐƯỜNG

GHI CHÚ:

➤ HƯỚNG THOÁT NƯỚC

➤ ĐƯỜNG KINH CỐNG

⊠ HẦM 6A THU NƯỚC

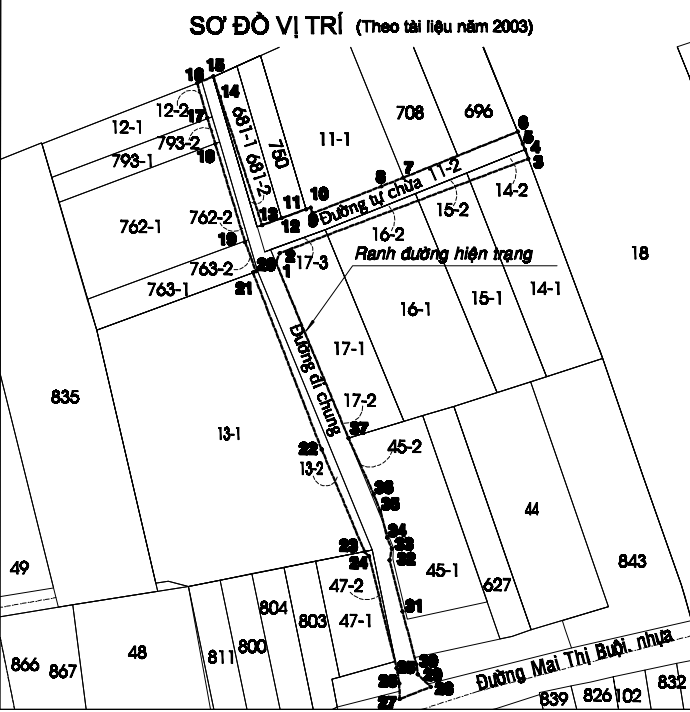
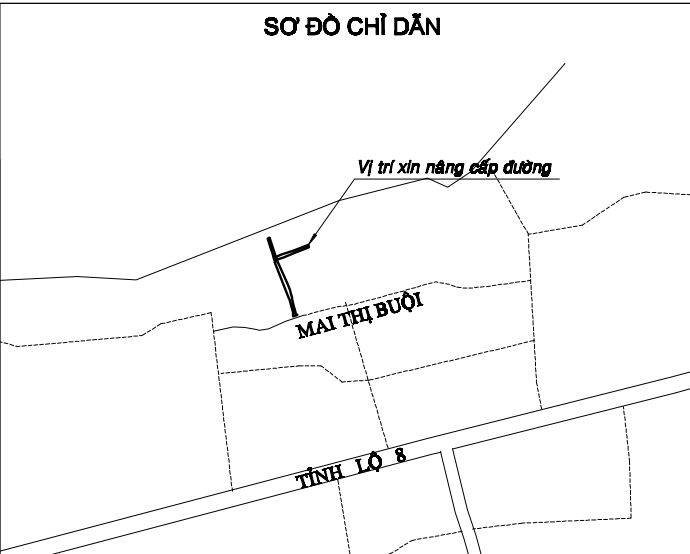


BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2003)

Số thửa	Thửa phân chiết	Thửa chính thức	Diện tích (m2)	
			sử dụng	còn lại
12	12-2		4.2	
793	793-2		2.9	
681	681-2		10.0	
762	762-2		10.1	
763	763-2		2.0	
11	11-2		138.2	
17	17-2		9.0	
13	13-2		52.5	
45	45-2		5.0	
47	47-2		7.2	
14	14-2		13.7	
15	15-2		10.5	
16	16-2		15.2	
Tổng cộng:			280.5m2	

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1215021.11	583475.94	1.55
2	1215022.54	583476.51	41.10
3	1215037.12	583514.93	1.50
4	1215038.53	583514.41	1.00
5	1215039.46	583514.04	2.00
6	1215041.31	583513.28	19.02
7	1215034.21	583485.84	3.89
8	1215032.84	583482.22	11.40
9	1215028.71	583481.58	0.89
10	1215029.58	583481.31	0.77
11	1215028.32	583480.58	4.00
12	1215027.98	583476.82	3.21
13	1215026.88	583473.81	20.82
14	1215048.84	583467.30	3.37
15	1215048.85	583466.27	2.70
16	1215048.79	583463.79	5.57
17	1215043.44	583465.34	4.22
18	1215039.41	583466.58	15.83
19	1215024.28	583471.18	4.85
20	1215019.72	583472.87	0.50
21	1215019.55	583472.40	29.30
22	1214992.23	583463.00	17.10
23	1214976.48	583469.63	1.01
24	1214975.75	583480.33	17.79
25	1214958.47	583484.57	2.41
26	1214956.10	583485.00	2.42
27	1214953.88	583485.03	5.21
28	1214955.58	583489.88	2.81
29	1214957.50	583487.84	1.55
30	1214959.03	583487.83	8.45
31	1214967.21	583485.50	8.16
32	1214975.12	583483.48	1.82
33	1214976.81	583483.82	1.88
34	1214978.84	583483.10	4.26
35	1214982.77	583482.04	2.74
36	1214985.32	583481.03	9.48
37	1214983.97	583487.15	29.36
1	1215021.11	583475.94	



NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN	CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC XÂY DỰNG THIẾT KẾ 268		
	HD268 Số: 1150A/ĐĐBD/CC/2026	NGƯỜI ĐO	NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày.....tháng.....năm 2026	Ngày 02 tháng 06 năm 2026	Ngày 02 tháng 06 năm 2026	Ngày 02 tháng 06 năm 2026
Đã kiểm tra và đồng ý (Ký và ghi rõ họ tên)			
	NGUYỄN THÀNH TRUNG	LÊ CÔNG TRÍ	LÊ VĂN ÁI